TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 42/2023/DS-ST
Ngày: 19-4-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Long Khánh
2. Ông Phan Thanh Dũng
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà:* Bà Huỳnh Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2022/TLST - DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng H
Địa chỉ: Tầng AB tòa nhà XYZ, số CD NCT, phường NTB, quận K, thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L – Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Hùng S – Chuyên viên xử lý nợ.
Địa chỉ: Số QRE THĐ, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Võ Văn N, sinh năm 1958 và bà Trương Thị Th, sinh năm 1960
Địa chỉ: ấp TB, xã TT, huyện TL, thành phố Cần Thơ.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Hồng S, sinh năm 1964 và bà Võ Thị H, sinh năm 1962.
Địa chỉ: ấp TB, xã TT, huyện TL, thành phố Cần Thơ.
(Đại diện nguyên đơn, ông Võ Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, bà Trương Thị Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình

bày: Ngày 18/10/2016 ông Võ Văn N và bà Trương Thị Th có ký hợp đồng số 361-MSH/2016/HĐCVHM-MSB vay vốn tại Ngân hàng H số tiền 200.000.000 đồng. Thời hạn vay thỏa thuận là 12 tháng, lãi suất trong hạn 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hạn trả nợ vào cuối kỳ, tức là ngày 19/10/2017.

Ngày 11/11/2016 Ngân hàng giải ngân cho ông N và bà Th số tiền vay nêu trên. Từ khi vay đến nay ông N và bà Th không thanh toán lãi suất và cũng không trả nợ gốc.

Để đảm bảo khoản vay thì ông N và bà Th có thế chấp quyền sử dụng đất số G 474956 do UBND huyện Ô Môn (nay là huyện TL) cấp ngày 13/9/1996 tại thửa 656 tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp Trường Lợi, xã TT, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

Khi hết thời hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng vay thì Ngân hàng có đến nhà khách hàng để yêu cầu thanh toán nợ nhưng không gặp. Ngân hàng nhiều lần đến nhà khách hàng nhưng vẫn không gặp, do đó chưa thể làm việc hay thông báo được cho khách hàng.

Tại phiên tòa, đại diện ngân hàng yêu cầu ông N và bà Th trả số tiền 423.666.667 đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 19/4/2023 (trong đó nợ gốc 200.000.000 đồng; lãi trong hạn 24.266.667 đồng; lãi quá hạn 199.400.000 đồng) và lãi suất phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng kể từ ngày 20/4/2023 cho đến khi ông N và bà Th thanh toán hết nợ theo hợp đồng đã ký kết.

Trường hợp ông N và bà Th không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ Ngân hàng thì yêu cầu được phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Ông Võ Văn N trình bày: Ông thống nhất toàn bộ lời trình bày của Ngân hàng. Từ khi vay số tiền 200.000.000 đồng đến nay ông chưa thanh toán khoản tiền gốc và lãi nào. Ông đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, chỉ yêu cầu trong quá trình thi hành án, Ngân hàng xem xét giảm một phần lãi, tạo điều kiện cho ông thanh toán nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Hồng S và bà Võ Thị H trình bày: Ngày 13/9/2009 ông N và bà Th có cầm cố quyền sử dụng đất diện tích 10 công tầm 03m với giá 50 chỉ vàng 24k, thời hạn cố là 02 năm. Sau 02 năm ông N và bà Th vẫn chưa có khả năng chuộc lại nên ông, bà canh tác cho đến nay. Việc cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông, bà và vợ chồng ông N chỉ lập giấy tay và có trưởng ấp cùng một số người dân xung quanh chứng kiến. Khi ông N và bà Th thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng thì ông, bà không hay biết. Nay Ngân hàng khởi kiện ông N và bà Th thì ông, bà không có ý kiến gì. Ông, bà đồng ý Tòa giải quyết theo quy định pháp luật. Đối với hợp đồng cầm cố giữa ông, bà và ông N, bà Th thì hiện nay ông, bà không khởi kiện, không yêu cầu giải quyết, khi nào có tranh chấp ông, bà sẽ khởi kiện sau. Trường hợp Tòa án tuyên như thế nào đối với tài sản thế chấp của ông N và bà

Th thì ông, bà chấp hành như vậy.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa;

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 463 BLDS, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng nợ gốc, lãi suất theo quy định và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Ngân hàng H (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn Võ Văn N và Trương Thị Th cư trú tại ấp TB, xã TT, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

Bị đơn Trương Thị Th được triệu tập lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Th.

[2] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ của ông Võ Văn N và bà Trương Thị Th với Ngân hàng H cùng lời trình bày của ông N tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định ông N và bà Th vay số tiền tiền số tiền 200.000.000 đồng. Thời hạn vay thỏa thuận là 12 tháng; Mục đích vay trồng lúa, nuôi cá; lãi suất trong hạn 12%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hạn trả nợ vào cuối kỳ, tức là ngày 19/10/2017.

Căn cứ bản sao kê theo dõi của Ngân hàng và lời xác nhận của ông N từ khi vay đến nay ông N và bà Th không thanh toán tiền nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng. Do đó, ông N và bà Th đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng vay, hạn trả nợ vào cuối kỳ, tức là ngày 19/10/2017. Trong quá trình Tòa án thụ lý cho đến khi vụ án được đưa ra xét xử thì ông N và bà Th không thanh toán nợ. Căn cứ bản sao kê của Ngân hàng thì tính đến ngày 19/4/2023 ông N và bà Th còn nợ Ngân hàng số tiền 423.666.667

đồng (trong đó nợ gốc 200.000.000 đồng; lãi trong hạn 24.266.667 đồng, lãi quá hạn 199.400.000 đồng). Ông N thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

[3] Hợp đồng vay giữa ông N và bà Th với Ngân hàng có thỏa thuận cụ thể nghĩa vụ thanh toán lãi, mức lãi suất. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông N và bà Th tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán lãi suất phát sinh kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

[4] Về hợp đồng thế chấp tài sản: Để đảm bảo khoản vay các bên đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 361-MBH/2016/BĐ ngày 18/10/2016. Theo hợp đồng, tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất số G 474965 do Ủy ban nhân dân huyện Ô Môn (nay là UBND huyện TL) cấp cho ông Võ Văn N ngày 13/9/1996 kèm theo thay đổi ngày 28/9/2016, 03/10/2016, diện tích 13.230m^2 tại thửa số 656, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp Trường Lợi, xã TT, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Trường hợp ông N và bà Th không thanh toán đủ số nợ vay tại Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ. Theo quy định của pháp luật và cam kết trong hợp đồng tín dụng, tài sản trên được thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ. Yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm cho việc thu hồi nợ của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 293 và Điều 299 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[5] Đối với hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông N, bà Th với bà H và ông S, do các đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên bà H và ông S được quyền khởi kiện trong vụ án khác khi có tranh chấp.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do ông N và bà Th là người cao tuổi và xin miễn án phí nên được miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; điểm b khoản 2 Điều 277; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 293, Điều 299, Điều 463, Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H. Buộc ông Võ Văn N và bà Trương Thị Th có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng H số tiền 423.666.667

đồng (trong đó vốn gốc 200.000.000 đồng; lãi trong hạn 24.666.667 đồng; lãi quá hạn 199.400.000 đồng), tính đến ngày 19/4/2023.

2. Kể từ ngày 20/4/2023 ông Võ Văn N và bà Trương Thị Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông N và bà Th phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

3. Về án phí: Ông Võ Văn N và bà Trương Thị Th là người cao tuổi và xin miễn án phí nên được miễn. Ngân hàng H không phải nộp án phí sơ thẩm. Đại diện Ngân hàng đã nộp số tiền 8.987.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0005779 ngày 31/10/2022 được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TL.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, ông Võ Văn N và bà Trương Thị Th không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số G 474965 do Ủy ban nhân dân huyện Ô Môn (nay là UBND huyện TL) cấp cho ông Võ Văn N ngày 13/9/1996 kèm theo thay đổi ngày 28/9/2016, 03/10/2016, diện tích 13.230m^2 tại thửa số 656, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp Trường Lợi, xã TT, huyện TL, thành phố Cần Thơ để thu hồi nợ (Theo hợp đồng thế chấp số 361-MBH/2016/BĐ ngày 18/10/2016).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TPCT;
- VKSND huyện TL;
- Cơ quan THA huyện TL;
- Lưu: HS; VT-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Ngọc Diễm